

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1274/2018/DS-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v “Tranh chấp về hợp đồng
khoán việc”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hữu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân.

2. Bà Đỗ Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng khoán việc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK.

Trụ sở: Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đ-Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Quan H-Chức vụ: Giám đốc điều hành (theo Giấy uỷ quyền số 01/GUQ-NHK ngày 04/8/2017 của Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK) *(có mặt)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN-Địa chỉ: quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2017, các bản tự khai ngày 05/7/2017, 18/01/2018, văn bản ý kiến ngày 23/5/2017 (dựa theo dấu bưu điện) và các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Nguyên ông V là người làm công ăn lương cho phía bị đơn nhưng không có giao kết hợp đồng lao động. Ngày 05/5/2016 ông Đoàn Văn Đ gọi điện thoại kêu ông V về công ty để trao đổi công việc của công trình chi nhánh Ngân hàng Công Thương V Nam (Viettinbank) tại Bến Tre do đang thi công dang dở và chỉ thị cho ông V xuống Bến Tre quản lý công trình tìm người nhận khoán việc. Do địa bàn thi công phức tạp, giá nhân công chào thấp nên không tìm được người nhận khoán việc. Cho nên, ông Đ có thuyết phục ông V tự thu xếp vấn đề nhân công để hoàn thành công trình, dẫn đến việc ngày 21/5/2016 ông V và Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK có ký Biên bản giao khoán công việc nội dung như sau: Bị đơn giao khoán cho ông Nguyễn Văn V toàn bộ phần còn lại của công trình Trụ sở Ngân hàng Công Thương Bến Tre đang xây dựng dang dở theo hợp đồng ngày 06/10/2014 kèm phụ lục được ký giữa bị đơn và Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN, với số tiền tự thu chi là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) bao gồm tiền quản lý kỹ thuật, thiết bị; bị đơn sẽ cung cấp 02 (hai) máy trộn, 03 (ba) xe rửa, đục bê tông, vận thăng, cotfa, giàn giáo để phục vụ việc thi công; ông V phải thực hiện theo đúng như điều khoản hợp đồng mà bị đơn đã ký với bên giao thầu để thu hồi công nợ lấy tiền chi trả công nhân. Về phương thức thanh toán: Ông V được bị đơn tạm ứng trước số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để chi trả cho công nhân thời gian đầu. Số tiền còn lại dựa theo điều khoản thanh toán của hợp đồng thanh toán 90% số tiền còn lại và được chia làm 08 (tám) đợt thanh toán theo hợp đồng mà bị đơn đã ký với Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN, cụ thể số tiền từng đợt thanh toán là: 84.375.000đ (tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); còn lại 10% giá trị còn lại sau 07 (bảy) ngày bàn giao bị đơn sẽ thanh toán dứt. Ban đầu, bị đơn không thực hiện đúng như cam kết ứng trước một lần 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để chi trả cho công nhân mà đến lần thứ ba ông V mới nhận chuyển đủ số tiền ứng từ vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị Liên, sau đó thì bị đơn khất lần nói là đang kẹt tiền kêu ông V cố gắng nói công nhân ứng tạm nhưng công nhân cứ ẻo uộc không chịu làm. Vì vậy, ông V buộc phải đi vay tiền “nóng” hàng tuần để trả lương công nhân thì họ mới chịu làm. Đến khi số lượng công việc làm được phân nửa thì ông V mới được ứng tiếp số tiền 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng), nhưng do không đủ tiền trả công nhân nên ông V phải đi thế chấp nhà đang ở để lấy 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) trả tiền nhân công làm ngày, vẫn còn nợ tiền của đội khoán. Do không thể tiếp tục trang trải tiền nhân công nên ông V đã cho công nhân nghỉ làm hết và có thông báo trực tiếp với ông Đ. Tổng số tiền ông V đã chi trả lương công nhân và đội khoán tại công trình ở Bến Tre là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Tuy

nhiên, ông Đ lúc đó lại giao cho đội khác làm, cố tình không trả tiền cho ông V, còn dẫn theo ông H (mang hàm cấp tá quân đội) quát tháo, dọa nạt ông V. Cuối năm 2017 ông V phải bán đứt căn nhà đang ở để trả nợ.

Tổng giá trị khối lượng công trình ông V cho rằng thực tế đã thực hiện được theo Biên bản khoán việc chiếm khoảng 70% đến 75% là tạm tính 630.000.000đ (sáu trăm ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông V tính lại số tiền bị đơn còn nợ như sau (theo Bản ý kiến yêu cầu của nguyên đơn ngày 13/11/2018): Tổng số công đã thực hiện là: $(1.370.5 \text{ công thợ hồ} \times 350.000\text{đ/ngày}) + (880.5 \text{ công phụ hồ} \times 260.000\text{đ/ngày}) = 708.605.000\text{đ}$ (bảy trăm lẻ tám triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng), trừ lại số tiền ứng mà ông V xác định tại phiên tòa hôm nay đã nhận ứng từ bị đơn là 211.375.000đ (hai trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: $708.605.000\text{đ} - 211.375.000\text{đ} = 497.230.000\text{đ}$ (bốn trăm chín mươi bảy triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) và lãi tạm tính theo quy định pháp luật (từ ngày 20/8/2016 đến ngày 29/11/2018) là: $27,3 \text{ tháng} \times 0.75\%/tháng \times 497.230.000\text{đ} = 101.807.842\text{đ}$ (một trăm lẻ một triệu tám trăm lẻ bảy ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng), tổng cộng là: $497.230.000\text{đ} + 101.807.842\text{đ} = 599.037.842\text{đ}$ (năm trăm chín mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là: 599.037.842đ (năm trăm chín mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng).

Ý kiến của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V về yêu cầu phản tố của phía bị đơn: Công việc ông V làm hàng ngày tại công trình Bến Tre đều có giám sát, kiểm tra từ ông Nguyễn Mạnh Hà thuộc Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN, nhật ký công trình thể hiện rõ từ ngày 25/5/2016 đến ngày 30/7/2016; ông Hà giám sát có ký xác nhận từng ngày làm; việc bị đơn cho rằng chi thêm 139.945.000đ (một trăm ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) để mua vật tư sửa chữa phần công việc mà ông V làm sai kỹ thuật là hoàn toàn không có cơ sở.

Phía bị đơn Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK do ông Đặng Quan H làm đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ông Nguyễn Văn V nhận tiền của bị đơn tổng cộng 09 (chín) lần là: 211.375.000đ (hai trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền mặt có ký nhận và có giấy chuyển khoản sao kê ngân hàng. Phía bị đơn phải chi thêm 139.945.000đ (một trăm ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) để mua vật tư sửa chữa phần công việc mà ông V làm sai kỹ thuật và không được Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN nghiệm thu. Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN chỉ nghiệm thu cho bị đơn đối với phần công việc mà ông V đã hoàn thành trị giá là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vào ngày 22/6/2016. Như vậy, số tiền ông V phải trả ngược lại cho bị đơn theo đơn phản tố ngày 23/8/2017 là: $(211.375.000\text{đ} + 139.945.000\text{đ}) -$

100.000.000đ = 251.320.000đ (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn xin rút yêu cầu phản tố đòi nguyên đơn trả số tiền 251.320.000đ (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Thẩm phán chủ tọa công bố tóm tắt lời khai của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN theo đầu bưu điện ngày 27/4/2018 (bút lục 154) và Công văn số 346/CV-CIPC ngày 02/11/2018:

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN nhận thầu thi công toàn bộ công trình trụ sở làm việc chi nhánh Ngân hàng Viettinbank Bến Tre và ký hợp đồng với một trong các nhà thầu phụ có Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK do ông Đoàn Văn Đ làm giám đốc. Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN khẳng định không liên quan đến vụ án này; được biết ông Đ có giao lại một số phần việc nhân công cho nhiều người nhận thi công, hiện tại công nợ giữa Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK và các cá nhân nhận thi công thì Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN không biết; Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN đã tất toán xong với Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK; về quản lý, giám sát tại công trình thi công, đơn vị điều cử giám sát có sổ nhật ký ghi chép tại công trình theo quy định; từ đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án; mọi sự liên quan đến việc Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK đang nợ tiền nhân công thì Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN không liên quan đến, cũng như khối lượng, chất lượng công trình. Nay công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN xin phép không tham gia các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án vì không còn liên quan gì và do điều kiện địa lý ở quá xa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa hôm nay: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự chấp hành tốt các quy định pháp luật khi tham gia phiên tòa. Có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, theo quy định tại các Điều 513 cho đến Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và mở phiên tòa xét xử hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng khoán việc thi công. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng dịch vụ) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có trụ sở ở Quận 12 nên căn cứ vào Điểm a, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của ông Nguyễn Văn V trên cơ sở căn cứ vào lời tự khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 21/5/2016 giữa ông Nguyễn Văn V và Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHHK có xác lập hợp đồng khoán việc thi công trọn gói đến khi bàn giao công trình (một loại của hợp đồng dịch vụ) với các điều khoản thỏa thuận nêu trên kèm Phụ lục các giai đoạn thanh toán cùng ngày. Theo đó, ông V nhận thi công toàn bộ phần còn lại của công trình trụ sở chi nhánh Ngân hàng Công Thương Bến Tre đang thi công dang dở mà bị đơn trước đó đã ký hợp đồng thầu phụ (thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày 10/10/2014 đến ngày 10/10/2015) với Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN vào ngày 06/10/2014 kèm phụ lục.

Quá trình thi công, tổng số tiền tạm ứng mà ông V cho rằng được nhận từ Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHHK chỉ có 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) là không đúng vì tổng số tiền ông V thực nhận theo các Phiếu chi, giấy nộp tiền là 211.375.000đ (hai trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) (bút lục số 92-100). Xét ý kiến của ông V cho rằng đã hoàn thành khối lượng công việc theo Biên bản khoán việc chiếm khoảng 70% đến 75% có giá trị là 630.000.000đ (sáu trăm ba mươi triệu đồng) là hoàn toàn mang tính ước lượng. Bởi vì, ông không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc này, đồng thời do nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án kiểm định xây dựng, mặt khác công trình hiện đã đưa vào sử dụng nên Tòa xét thấy cũng không thể tiến hành kiểm định khối lượng công việc mà ông V đã thi công.

Xét việc nguyên đơn cho rằng bị đơn chậm thanh toán tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận của Biên bản khoán việc nên ông V đã đơn phương chấm dứt thỏa thuận đó bằng thông báo gửi trực tiếp cho bị đơn: Ông V không hề có chứng cứ chứng minh là đã thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp cho bị đơn về việc đơn phương chấm dứt thỏa thuận. Công văn số 2025/CV-CIPC-KHDA ngày 09/8/2016 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN (bút lục 115) về việc thông báo chấm dứt hợp đồng với bị đơn cho thấy ngày 06/8/2016 ông V đã ngừng thi công. Tuy nhiên, căn cứ vào Bản kê ứng thanh toán tiền cho ông V (bút lục 92) cho thấy bị đơn đã chậm thanh toán tiền cho nguyên đơn theo 08 (tám) đợt quy định (mỗi đợt là 84.375.000đ) là có thật nhất là từ tháng 7 năm 2016 không có thanh toán khoản nào dù ông V có làm từ ngày 01/7/2016 đến 26/7/2016 đều có xác nhận của đơn vị tư vấn giám sát là ông Nguyễn Mạnh Hà-

cán bộ kỹ thuật của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN; riêng ngày 28-30/7/2016 ông V có thi công công trình nhưng không có chữ ký của ông Nguyễn Mạnh Hà. Tổng số tiền ông V được ứng từ bị đơn đến ngày 16/8/2016 là 211.375.000đ (hai trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) (bút lứt số 92-100) là đúng sự thật (chiếm khoảng 2,5 đợt trong tổng số 08 đợt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất CN có làm văn bản nêu trên xin xét xử vắng mặt do ở xa và cho rằng không còn liên quan gì đến vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều b, Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn rút yêu cầu phản tố và không yêu cầu ông V thanh toán bất kỳ khoản tiền nào nữa nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn.

Việc nguyên đơn cho rằng do cần tiền trả lương công nhân nên đã thế chấp, bán nhà mà không có chứng cứ chứng minh và cũng không có yêu cầu thêm gì nữa nên Tòa không có cơ sở xem xét.

[3] Tóm lại, có cơ sở khẳng định theo các phiếu chi tiền thì tổng số tiền ông V được ứng từ bị đơn đến ngày 06/8/2016 là 211.375.000đ (hai trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) (bút lứt số 92-100); tổng giá trị công việc mà ông V đã thi công được cho bị đơn theo thỏa thuận khoản việc dựa vào sổ nhật ký công trình Hội đồng xét xử xác định được là: 1.370 công thợ chính (thợ hồ) và 674 công thợ phụ (phụ hồ), mà lẽ ra bị đơn phải chứng minh được việc này. Ông V tại phiên tòa còn cung cấp chứng cứ chứng minh tiền công thợ chính là 350.000đ/ngày và công thợ phụ là 250.000đ/ngày (có DNTN Trường Thịnh xác nhận ngày 19/11/2018) nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận tổng số lượng công này là: $(1.370 \text{ công thợ hồ} \times 350.000\text{đ/ngày}) + (674 \text{ công thợ phụ} \times 250.000\text{đ/ngày}) = 648.000.000\text{đ}$ (sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng), trừ đi số tiền ông V đã được tạm ứng 211.375.000đ nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: $648.000.000\text{đ} - 211.375.000\text{đ} = 436.625.000\text{đ}$ (bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

[4] Kể từ ngày 06/8/2016 ông V ngừng thi công cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền này đến nay nên buộc bị đơn phải chịu thêm tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn tại phiên tòa chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/8/2016 đến ngày xét xử là 27 tháng 09 ngày (tức là 27,3 tháng) là: $436.625.000\text{đ} \times 0,75\%/tháng \times (27,3 \text{ tháng}) = 90.927.156\text{đ}$ là tiền lãi được chấp nhận. Cho nên, tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán được Tòa chấp nhận là: $436.625.000\text{đ} + 90.927.156\text{đ} = 527.552.156\text{đ}$ (năm trăm hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi hai ngàn một trăm năm mươi sáu đồng). Do đó, bị đơn phải chịu án phí là: $20.000.000\text{đ} + 5.102.086\text{đ} = 25.102.086\text{đ}$ (hai mươi lăm triệu một trăm lẻ hai ngàn không trăm tám mươi sáu đồng). Nguyên đơn không được chấp nhận số tiền so với yêu cầu

là: 599.037.842đ - 527.552.156đ = 71.485.686đ, nên nguyên đơn phải chịu án phí là: 3.574.285đ (ba triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn rút yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn đòi nguyên đơn thanh toán số tiền 251.320.000đ (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Về án phí phản tố: Do bị đơn rút yêu cầu phản tố nên được hoàn tại tạm ứng án phí phản tố.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Khoản 2 Điều 244, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điểm c khoản 1 Điều 217, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng May mặc Thương mại NHK phải thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn V tổng số tiền chưa thanh toán và lãi là: 527.552.156đ (năm trăm hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi hai ngàn một trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn đòi nguyên đơn thanh toán số tiền 251.320.000đ (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) do bị đơn rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là: 25.102.086đ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phản tố 6.533.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0034197 ngày 23/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Bị đơn còn phải nộp án phí là: 18.569.086đ (mười tám triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn không trăm tám mươi sáu đồng).

Nguyên đơn phải chịu án phí là: 3.574.285đ (ba triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng

án phí 12.656.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0024633 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền là: 9.081.715đ (chín triệu không trăm tám mươi một ngàn bảy trăm mười lăm đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 20

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Hữu Hạnh

